

Tham luận về Chương trình viễn thông công ích đến năm 2020

I. Nguyên tắc cơ bản xây dựng Chương trình

1. Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông

Việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông với công nghệ phù hợp sẽ nâng cao mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ lâu dài. Vì vậy, để bảo đảm phát triển bền vững dịch vụ viễn thông công ích, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 sẽ tập trung vào hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, đặc biệt là hạ tầng viễn thông băng rộng đa dịch vụ, trong đó ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới và hải đảo nhằm tạo lập cơ sở hạ tầng sẵn sàng cung cấp dịch vụ viễn thông cho người dân sử dụng khi có nhu cầu ngay cả ở những khu vực mà doanh nghiệp viễn thông không muốn đầu tư phát triển vì không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường. Cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng đa dịch vụ được hỗ trợ đầu tư sẽ góp phần thúc đẩy tạo điều kiện cho phát triển kinh tế xã hội.

2. Bảo đảm quyền truy nhập dịch vụ bình đẳng, hợp lý cho mọi người dân

Song song với việc phát triển hạ tầng viễn thông, bảo đảm sẵn sàng cung cấp dịch vụ viễn thông khi người dân có nhu cầu sử dụng, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 cũng phổ cập các dịch vụ viễn thông, bảo đảm quyền truy nhập dịch vụ bình đẳng, hợp lý cho mọi người dân. Các dịch vụ viễn thông bắt buộc như dịch vụ khẩn cấp, dịch vụ tra cứu danh bạ điện thoại cố định, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn và phòng, chống thiên tai trên biển được cung cấp tới mọi người dân. Đồng thời, tập trung phổ cập truy nhập đối với dịch vụ truy nhập Internet cho người dân tại các khu vực khó khăn thông qua các điểm cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng; các đường truy nhập Internet băng rộng tới các điểm cộng đồng như trường học, bệnh viện.

Bên cạnh đó, Chương trình cũng hướng đến hỗ trợ các đối tượng chính sách đặc biệt như các hộ nghèo, hộ cận nghèo, ngư dân trên biển để đảm bảo quyền truy nhập dịch vụ một cách hợp lý. Chương trình không hỗ trợ đối với tất cả các hộ dân trong vùng công ích, quy định rõ đối tượng thụ hưởng để tránh sự hỗ trợ không bình đẳng là những người nghèo không thuộc vùng công ích thì không được hỗ trợ còn người giàu, người có thu nhập cao thuộc vùng công ích lại được hỗ trợ từ Chương trình.

3. Trung lập về công nghệ

Trên thực tế những năm gần đây đa số người dân, hộ gia đình đã bỏ dịch vụ điện thoại cố định để chuyển sang sử dụng dịch vụ di động. Số thuê bao điện thoại cố định ngày càng giảm, chỉ còn chiếm khoảng 10%, trong khi số thuê bao di động chiếm khoảng 90% tổng số thuê bao điện thoại và dịch vụ điện thoại cố định chủ yếu chỉ còn được cung cấp cho các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp. Vì vậy, việc hỗ trợ cho dịch vụ điện thoại cố định như trước đây sẽ không bền vững và không có

hiều ý nghĩa đối với người dân. Do đó, Chương trình sẽ hỗ trợ cho cả dịch vụ điện thoại cố định và thông tin di động mặt đất theo nguyên tắc công nghệ hay dịch vụ nào có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu thực tế của thị trường và người dân thì sẽ được Chương trình hỗ trợ triển khai.

Bên cạnh đó, Chương trình chú trọng hỗ trợ đầu tư phát triển cả hạ tầng cố định và di động, không áp đặt công nghệ để doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn sử dụng công nghệ phù hợp, tối ưu hóa vốn đầu tư và khả năng khai thác sau này.

4. Phát triển thị trường lành mạnh và bền vững

Chương trình quy định tỷ lệ hỗ trợ kinh phí tối đa cho một doanh nghiệp (70%) để tránh ảnh hưởng xấu đến môi trường cạnh tranh; quy định nguồn thu chủ yếu là đóng góp theo tỷ lệ doanh thu tất cả các dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, đồng thời hỗ trợ cho phát triển hạ tầng viễn thông để cung cấp cả dịch vụ cố định và di động chứ không chỉ thu từ dịch vụ di động có lãi để hỗ trợ cho dịch vụ cố định thua lỗ (không bù chéo dịch vụ); quy định tập trung hỗ trợ xây dựng hạ tầng (70% kinh phí), hạn chế hỗ trợ cho doanh nghiệp để quản lý và duy trì hoạt động cung cấp dịch vụ, tránh bù lỗ cho dịch vụ vì yếu kém chủ quan của doanh nghiệp trong kinh doanh.

5. Hỗ trợ giáo dục, y tế

Các cơ sở giáo dục, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là các cơ sở có nhu cầu cao trong việc sử dụng các dịch vụ ứng dụng viễn thông trong đào tạo, khám chữa bệnh đồng thời cũng là các đối tượng được Nhà nước có chính sách ưu tiên để tiếp cận dịch vụ truy nhập Internet theo quy định tại Điều 4 Luật Viễn thông và Điều 4 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Tuy nhiên, đây cũng là những đối tượng đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ do hạn chế về kinh phí cho việc chi trả giá cước sử dụng dịch vụ.

6. Đổi mới phương thức thực hiện và quản lý Chương trình

Phương thức thực hiện và quản lý Chương trình được đổi mới theo hướng áp dụng mô hình quản lý của các chương trình mục tiêu quốc gia trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng cơ bản và đấu thầu hiện hành. Việc quản lý Chương trình được tách bóc thành 2 chức năng độc lập: chức năng quản lý tài chính của Chương trình (thực hiện thu, quản lý nguồn thu và cấp phát và kiểm soát chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong Chương trình) và chức năng quản lý điều phối Chương trình. Việc thực hiện Chương trình sẽ tăng cường sự tham gia của các Bộ, Ngành, địa phương trong quản lý, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Chương trình.

II. Mục tiêu tổng quát của Chương trình:

Trên cơ sở kết quả của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010, bằng nguồn kinh phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam,

triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu sau:

1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo.

2. Phổ cập dịch vụ viễn thông công ích, bảo đảm quyền truy nhập bình đẳng, hợp lý cho mọi người dân, hộ gia đình, đồng thời theo từng thời kỳ ưu tiên hỗ trợ việc sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và đầu thu truyền hình số của hộ nghèo, hộ cận nghèo và một số đối tượng chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước.

3. Bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ tìm kiếm, cứu nạn, chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai; cung cấp cho mọi người dân khả năng truy nhập miễn giá cước đến các dịch vụ viễn thông bắt buộc.

4. Bảo đảm các trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên toàn quốc khả năng sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng.

5. Bảo đảm thực hiện các mục tiêu của Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

-> Bộ TTTT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16/7/2018 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1168/QĐ-TTg. Bao gồm 05 Chương trình thành phần:

1. Chương trình kết nối băng rộng với 03 mục tiêu cụ thể: bảo đảm trên 99% các xã có điện được kết nối bằng hệ thống truyền dẫn băng rộng; bảo đảm trên 99% các xã có điện có mạng truy nhập băng rộng cố định, mạng truy nhập băng rộng di động; bảo đảm kết nối truyền dẫn cáp quang từ đất liền tới trung tâm hành chính của các huyện đảo.

2. Chương trình kết nối khẩn cấp với 02 mục tiêu cụ thể: bảo đảm người sử dụng dịch vụ viễn thông trên toàn quốc được sử dụng miễn giá cước dịch vụ viễn thông khẩn cấp. bảo đảm ngư dân trên tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển được sử dụng miễn giá cước dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển qua hệ thống đài thông tin duyên hải; bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai'.

3. Chương trình kết nối cộng đồng với 04 mục tiêu cụ thể: bảo đảm người sử dụng dịch vụ viễn thông trên toàn quốc được sử dụng miễn giá cước dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định; bảo đảm người dân tại các xã có tỷ lệ hộ gia đình là thuê bao dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định thấp khả năng tiếp cận dịch vụ truy nhập băng rộng tại các điểm cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng được Chương trình phát triển và duy trì với chi phí hợp lý; bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước có nhu cầu thông tin liên lạc khả năng tiếp cận dịch vụ điện thoại cố định mặt đất hoặc dịch vụ thông tin di

động mặt đất trả sau với chi phí hợp lý; bảo đảm ngư dân trên tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển khả năng tiếp cận dịch vụ viễn thông di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải với chi phí hợp lý.

4. Chương trình kết nối công sở với 02 mục tiêu cụ thể: bảo đảm trên 99% các trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên toàn quốc khả năng tiếp cận dịch vụ truy nhập Internet băng rộng với chi phí hợp lý; bảo đảm khả năng truy nhập của người dân tới các dịch vụ công trực tuyến.

5. Chương trình kết nối truyền hình số với mục tiêu bảo đảm người dân trên cả nước, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo và một số đối tượng chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo thu xem các chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu qua hệ thống truyền dẫn, phát sóng tín hiệu truyền hình công nghệ số mặt đất hoặc vệ tinh.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình là 11.000 tỷ đồng và được đảm bảo từ nguồn thu của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

IV. Các nội dung công việc tiếp theo của Cục Viễn thông đã triển khai

Sau khi Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 được ban hành thì vai trò, trách nhiệm của Cục Viễn thông là xây dựng văn bản QPPL hướng dẫn quy định danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước tối đa dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

Trong giai đoạn này, Cục Viễn thông đã khẩn trương nghiên cứu, xem xét đề ban hành các Thông tư hướng dẫn, cụ thể:

- Thông tư số 09/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016 Quy định chi Tiết danh Mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước, khung giá cước sử dụng và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

- Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT ngày 14/02/2020 thay thế cho Thông tư 09/2016/TT-BTTTT.

Kết quả đạt được như sau:

1. Nhiệm vụ 4. Chương trình thành phần 1: Hỗ trợ thiết lập truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn điện lực Việt Nam (Nhiệm vụ 1.4)

Triển khai thực hiện:

Sau 5 năm triển khai, Bộ Thông tin và truyền thông đã hỗ trợ thiết lập truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo Cát Hải, Cô Tô, Lý Sơn, Phú Quốc trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 5 tỷ, tuy nhiên kinh phí khi triển khai thực hiện vượt so với dự kiến là 7,865 tỷ đồng (đạt 157,1%).

Nguyên nhân:

Dự toán kinh phí của Chương trình tính hỗ trợ thiết lập 01 đường truyền dẫn cáp quang của 01 doanh nghiệp đến trung tâm hành chính của 05 huyện đảo.

Thực tế đã hỗ trợ 03 doanh nghiệp thiết lập truyền dẫn cáp quang đến trung tâm hành chính của các huyện đảo nên kinh phí vượt trội hơn so với dự kiến.

2. Nhiệm vụ 6, Chương trình thành phần 1: Hỗ trợ thiết lập truyền dẫn Viba số và đường truyền dẫn vệ tinh đến các huyện đảo để cung cấp dịch vụ băng rộng (Nhiệm vụ 1.6)

Triển khai thực hiện:

Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện hỗ trợ kết nối truyền dẫn Viba số và hỗ trợ kết nối vệ tinh đảm bảo thông tin băng rộng cho 50 đảo, huyện đảo, nhà giàn (đảo nổi).

Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 5 tỷ, tuy nhiên kinh phí khi triển khai thực hiện vượt so với dự kiến là 15,1 tỷ đồng (đạt 15,1%).

Nguyên nhân:

Dự toán kinh phí của Chương trình tính hỗ trợ từ năm 2017 nhưng thực tế đến tháng 4/2020 mới triển khai được (sau khi Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT được ban hành) nên kinh phí thấp hơn so với dự kiến.

3 Nhiệm vụ 1. Chương trình thành phần 2: Hỗ trợ dịch vụ viễn thông khẩn cấp và dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển (Nhiệm vụ 2.1).

Triển khai thực hiện:

Đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hỗ trợ kinh phí cho hơn 3,8 triệu phút cho các cuộc gọi di động hàng hải phục vụ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển qua hệ thống Đài Thông tin duyên hải.

Hỗ trợ gần 4 triệu phút cho các cuộc gọi khẩn cấp đến các số điện thoại 113,114 và 115 để đảm bảo cho người dân sử dụng miễn cước dịch vụ điện thoại cố định liên lạc tới các số dịch vụ viễn thông khẩn cấp gọi cứu hỏa (114), công an (113), cấp cứu y tế (115); đảm bảo cho tất cả người dân sử dụng miễn cước dịch vụ điện thoại di động liên lạc tới dịch vụ viễn thông khẩn cấp gọi cứu hỏa, công an, cấp cứu y tế trong từ tháng 4 năm 2020 (sau khi Thông tư 02/2020/TT-BTTTT được ban hành). Việc hỗ trợ để người dân sử dụng dịch vụ này đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân liên lạc đến các cơ quan chức năng khi có tình huống khẩn cấp xảy ra, góp một phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 38,9 tỷ, kinh phí khi triển khai thực hiện là 31,877 tỷ đồng (đạt 82%)

Nguyên nhân:

Do lưu lượng, sản lượng thực tế thấp hơn dự kiến nên kinh phí hỗ trợ có phần giảm hơn so với dự kiến.

4. Nhiệm vụ 2. Chương trình thành phần 2: Hỗ trợ dịch vụ viễn thông phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, phòng chống thiên tai (Nhiệm vụ 2.2).

Triển khai thực hiện:

Giai đoạn này, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện hỗ trợ kinh phí cho Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai sử dụng dịch vụ vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành như: Thuê kênh băng tần C vệ tinh VINASAT, duy trì 132 trạm VSAT IP, duy trì hệ thống thuê bao vệ tinh Inmarsat thuộc mạng viễn thông chuyên dùng để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai thông suốt từ Trung ương đến địa phương trong mọi tình huống. Việc hỗ trợ này đã góp phần không nhỏ trong việc giảm thiểu thiệt hại thiên tai, đảm bảo thông tin liên lạc để công tác tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai được kịp thời, đạt hiệu quả khi mạng di động mặt đất gặp sự cố, không liên lạc được.

Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 59,61 tỷ, kinh phí khi triển khai thực hiện vượt trội hơn là 61,07 tỷ đồng (đạt 102,4%).

Nguyên nhân:

Do sản lượng thực tế tăng so với dự kiến, đồng thời mức hỗ trợ từ tháng 04/2020 cao hơn do giá cước dịch vụ tăng so với dự toán được lập từ năm 2015 nên kinh phí tăng hơn so với kinh phí dự kiến.

5. Nhiệm vụ 1. Chương trình thành phần 3: Hỗ trợ dịch vụ tra cứu số thuê bao điện thoại cố định (Nhiệm vụ 3.1).

Triển khai thực hiện

Bộ Thông tin và Truyền thông đã hỗ trợ gần 1,3 triệu phút cho dịch vụ tra cứu số thuê bao điện thoại cố định của người dân thuộc đối tượng của Chương trình, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ về các thuê bao điện thoại cố định của người dân.

Kinh phí dự kiến:

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 6,52 tỷ, kinh phí khi triển khai thực hiện rất thấp là 0,74 tỷ đồng (đạt 11,3%)

Nguyên nhân:

Do lưu lượng thực tế thấp hơn lưu lượng dự kiến của Chương trình, số lượng thuê bao điện thoại cố định ngày càng giảm nên kinh phí thực hiện rất thấp so với dự kiến.

6. Nhiệm vụ 3. Chương trình thành phần 3: Hỗ trợ chi phí duy trì hoạt động của điểm truy cập Internet công cộng (Nhiệm vụ 3.3).

Triển khai thực hiện:

Chương trình đã hỗ trợ duy trì hoạt động đối với các điểm truy nhập Internet công cộng (các điểm truy nhập này được thiết lập và vận hành trong phạm vi Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010) là 13,7 ngàn lượt điểm truy nhập tại 546 xã khó khăn, có mật độ người dân sử dụng dịch vụ truy nhập Internet cố định thấp để người dân được sử dụng dịch vụ truy nhập Internet công cộng với giá cước hợp lý. Việc hỗ trợ này đã góp phần chia sẻ khó khăn với người dân tại các khu vực khó khăn, miền núi trong việc sử dụng dịch vụ truy nhập Internet để tiếp cận các thông tin thiết thực về lao động sản xuất, về đời sống kinh tế xã hội và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho người dân ở các xã khó khăn.

Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 31,9 tỷ, kinh phí khi triển khai thực hiện giảm xuống là 18,243 tỷ đồng (đạt 59,5%)

Nguyên nhân:

Do số liệu hỗ trợ duy trì ban đầu dự kiến hỗ trợ là các điểm trên và 500 điểm cung cấp dịch vụ công cộng được các doanh nghiệp thiết lập mới từ năm 2016, nhưng thực tế đến cuối năm 2020 mới thiết lập xong 327 điểm.

7. Nhiệm vụ 4. Chương trình thành phần 3: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất hoặc dịch vụ thông tin di động trả sau (Nhiệm vụ 3.4).

Triển khai thực hiện

Chương trình thực hiện hỗ trợ 66 thuê bao đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau.

Dịch vụ thông tin di động trả sau gần như không phát sinh nhu cầu do mức hỗ trợ không phù hợp. Đến tháng 4 năm 2020, mức hỗ trợ đã được điều chỉnh nên đã hỗ trợ được 152 ngàn thuê bao của hộ nghèo, hộ cận nghèo

Tuy nhiên việc hỗ trợ cũng đã giúp các hộ nghèo, cận nghèo cũng phần nào tiếp cận được dịch vụ, đảm bảo thông tin liên lạc và thuận lợi hơn cho sự phát triển công bằng ở các vùng miền trên phạm vi cả nước.

Kinh phí thực hiện

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 462,95 tỷ, kinh phí khi triển khai thực hiện thấp là 21,3 tỷ đồng (đạt 5%).

Nguyên nhân:

Do mức hỗ trợ ban đầu với quy định khá khắt khe (chỉ hỗ trợ 50% cước thuê bao tháng, không hỗ trợ cước liên lạc) nên số lượng hộ nghèo đăng ký nhận hỗ trợ ít, nên kinh phí hỗ trợ thấp. Từ tháng 4/2020, khi Bộ Thông tin và Truyền thông điều chỉnh mức hỗ trợ (gói cước miễn phí tương đương mức hỗ trợ sử dụng 45.000 đồng/thuê bao/tháng) nên đã có trên 152 ngàn hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ và kinh phí cũng tăng đôi chút

8. Nhiệm vụ 5. Chương trình thành phần 3: Hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải (Nhiệm vụ 3.5).

Triển khai thực hiện:

Cả giai đoạn, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện hỗ trợ gần 2,4 triệu phút đối với các cuộc gọi di động hàng hải cho tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển qua hệ thống Đài Thông tin duyên hải.

Hỗ trợ cho tất cả ngư dân đánh bắt hải sản trên biển miễn cước sử dụng dịch vụ liên lạc phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển qua hệ thống đài thông tin duyên hải. Việc hỗ trợ này tạo điều kiện thuận lợi để ngư dân liên lạc đến các đơn vị chức năng tìm kiếm cứu nạn trên biển, liên lạc đến các tàu bạn khi tàu cá hoặc ngư dân gặp sự cố trên biển, góp phần động viên ngư dân bám ngư trường, bám biển, góp phần giữ vững an ninh, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 5,6 tỷ, kinh phí khi triển khai thực hiện là 2,93 tỷ đồng (đạt 52,3%)

Nguyên nhân:

Do ngư dân đánh bắt hải sản ở vùng biển gần bờ, nằm trong vùng phủ sóng của mạng di động mặt đất sẽ liên lạc bằng điện thoại di động, không sử dụng dịch vụ di động hàng hải. Ngoài ra, năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh và thiên tai, ngư dân không đi biển được nhiều, sản lượng thoại thấp hơn các năm trước.

9. Nhiệm vụ 1. Chương trình thành phần 4: Hỗ trợ kết nối Internet băng rộng (Nhiệm vụ 4.1);

Nhiệm vụ này không thực hiện được do tiêu chí hỗ trợ của Chương trình không phù hợp thực tế. Cụ thể: Chương trình dự kiến hỗ trợ cước lắp đặt ban đầu đối với các trường học, bệnh viện chưa sử dụng dịch vụ. Nhưng trên thực tế, khi các trường học, bệnh viện ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ với các doanh nghiệp viễn thông thì các doanh nghiệp viễn thông sẽ không tính chi phí kết nối ban đầu với các trường học, bệnh viện trên cả nước. Mặc dù không thực hiện nhưng mục tiêu của nhiệm vụ vẫn được đảm bảo.

10. Nhiệm vụ 2, Chương trình thành phần 4: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ Internet băng rộng (Nhiệm vụ 4.2).

Triển khai thực hiện:

Đối với nhiệm vụ này, cả giai đoạn Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện hỗ trợ khoảng 17,6 ngàn thuê bao dịch vụ cho các bệnh viện, trường học và Ủy ban nhân dân cấp xã trên toàn quốc.

Kinh phí thực hiện

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 384,83 tỷ, kinh phí khi triển khai thực hiện thấp là 57 tỷ đồng (đạt 15%).

Nguyên nhân:

Do quy định mức hỗ trợ ban đầu khá khắt khe, thiếu linh hoạt (quy định gói cước công ích theo tốc độ Internet định danh cụ thể đối với từng nhóm trường học, bệnh viện) nên từ 2016 đến tháng 3/2020 số lượng trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã được hỗ trợ còn ít (Quy định tại Thông tư 09/2016/TT-BTTTT).

Tháng 4/2020, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định điều kiện hỗ trợ mới, theo đó không hạn chế tốc độ Internet định danh cho từng nhóm đối tượng mà chỉ quy định gói cước và mức hỗ trợ đối với từng tốc độ nên số lượng đơn vị được hỗ trợ đã tăng đáng kể (Quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT).

11. Nhiệm vụ 3. Chương trình thành phần 4: Hỗ trợ dịch vụ thuê kênh cho các bệnh viện trong Chương trình bệnh viện vệ tinh (Nhiệm vụ 4.3).

Triển khai thực hiện:

Đối với nhiệm vụ này, cả giai đoạn Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện hỗ trợ cho 01 kênh thuê riêng cho bệnh viện vệ tinh của Phú Thọ.

Kinh phí thực hiện

Kinh phí khi triển khai thực hiện thấp là 90 triệu đồng.

Nguyên nhân:

Do Đề án 774/QĐ-BYT ngày 11/3/2013 về việc Phê duyệt đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020 của Bộ Y tế chưa hoàn thiện nên mới có 01 bệnh viện đăng ký hỗ trợ.

12. Nhiệm vụ 3. Chương trình thành phần 5: Hỗ trợ truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua vệ tinh VINASAT (Nhiệm vụ 5.3).

Nhiệm vụ này chưa triển khai thực hiện được do các đài phát thanh truyền hình các tỉnh đã tự chủ toàn bộ hoặc 1 phần kinh phí nên không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình (quy định của Chương trình: Các đài chưa tự chủ tài chính).

Dự kiến kinh phí thực hiện cho nhiệm vụ này là 100 tỷ.

Triển khai 10 nhiệm vụ trên, có 06 doanh nghiệp đặt hàng tham gia thực hiện hỗ trợ cung cấp các dịch vụ viễn thông công ích (Viettel, VNPT, VNPost, Vishipel, Mobifone và Vietnamobile). Qua kết quả kiểm tra, giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông, các nhiệm vụ mà doanh nghiệp triển khai hỗ trợ, đảm bảo đúng đối tượng, đúng tiến độ theo quy định.

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã thực hiện rà soát sản lượng và kinh phí thực hiện hàng năm trên cơ sở kế hoạch đăng ký của các doanh nghiệp viễn thông và thực hiện Quyết toán được hầu hết các hợp đồng đặt hàng năm 2016, năm 2017, 2018, 2019 và 01/06 Hợp đồng đặt hàng của năm 2020. Các Hợp đồng đặt hàng còn lại dự kiến sẽ được Bộ TT&TT phê duyệt trong tháng 8/2021

Tổng kinh phí dự kiến của nhóm nhiệm vụ hỗ trợ dịch vụ theo Chương trình đến năm 2020: 1.263,4 tỷ đồng, kinh phí triển khai thực hiện là 216,165 tỷ đồng (đạt 17,11%)

V. Đánh giá chung, những tồn tại và hạn chế khi triển khai nhóm nhiệm vụ hỗ trợ dịch vụ:

Kinh phí của nhóm nhiệm vụ đạt 17,11 % (216,165/1.263,4 tỷ đồng) so với dự kiến tại Chương trình và hầu hết các dịch vụ hỗ trợ thuộc Chương trình đã được triển khai và cơ bản đáp ứng được mục tiêu của Chương trình theo Quyết định 1168/QĐ-TTg và Quyết định 868/QĐ-TTg.

Kết quả chung: là thấp so với mục tiêu (đạt 17,11% kinh phí so với dự kiến ban đầu).

Nội dung hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện tương đối tốt, đã góp phần làm tăng số giải ngân và đóng góp 1 phần vào thành công của chương trình về cơ bản đã đạt được mục tiêu đề ra. Kết quả thực hiện các nhóm nhiệm vụ này đã đem lại các lợi ích về an sinh xã hội tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới hải đảo, đảm bảo thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh trật tự và chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Đối với việc hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất và hỗ trợ các trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên toàn quốc sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng: Do mức hỗ trợ ban đầu đối với 02 loại hình dịch vụ này còn thấp nên chưa khuyến khích được các đối tượng tham gia sử dụng dịch vụ, tháng 02 năm 2020, Bộ TTTT đã ban hành Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT nâng mức hỗ trợ đối với 02 loại đối tượng này. Kết quả là từ tháng 4 năm 2020, việc triển khai các quy định hỗ trợ mới đã tác động tích cực tới kết quả thực hiện Chương trình: Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đăng ký nhận hỗ trợ dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau trong năm 2020 tăng gấp nhiều lần so với số lượng đăng ký trong 04 năm 2015 - 2019 (trong năm 2020 có khoảng 120.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo đăng ký hỗ trợ so với 02 hộ đăng ký hỗ trợ trong 04 năm 2015-2019); số lượng trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân xã nhận hỗ trợ cước phí sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định tăng thêm 120% so với 04 năm trước (đến hết tháng 3/2020, Chương trình đã hỗ trợ 8.000 thuê bao, đến tháng 12/2020 đã hỗ trợ thêm 9.600 trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên cả nước).

1. Nguyên nhân phần hỗ trợ dịch vụ giải ngân còn thấp:

a) Mức hỗ trợ ban đầu còn thấp, chưa thu hút được các đối tượng thụ hưởng tham gia, do chất lượng dịch vụ và giá thành ngày một rẻ, người dân dễ dàng tiếp cận được dịch vụ nên việc hỗ trợ như chỉ hỗ trợ di động trả sau, chỉ hỗ trợ các đối tượng nhất định đường Internet theo tốc độ định danh cố định nên số lượng đối tượng tham gia còn thấp.

b) Một số dịch vụ do nguyên nhân khách quan chưa triển khai hoặc triển khai muộn nên không có hoặc có rất ít đối tượng hỗ trợ: hỗ trợ truyền dẫn vệ tinh cho

các đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh, kênh thuê riêng cho các bệnh viện vệ tinh, bệnh viện hạt nhân

c) Công tác tuyên truyền, phổ biến, quảng bá cho những đối tượng có nhu cầu sử dụng còn chưa cao nên có ít đối tượng tham gia.

-> Nội dung vướng mắc này đã được Cục Viễn thông ghi nhận và nhanh chóng nghiên cứu, xem xét sửa đổi một số nội dung và ban hành Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT thay thế cho Thông tư 09/2016/TT-BTTTT trong đó có thay đổi một số nội dung hỗ trợ, kết quả nội dung hỗ trợ Chương trình trong năm 2020 đạt được những kết quả tích cực, giải ngân cho các dịch vụ được tăng lên, đối tượng thụ hưởng và các doanh nghiệp viễn thông đều tham gia tích cực.

2. Ngoài ra còn một số nguyên nhân khác dẫn đến việc đầu tư, phát triển hạ tầng dịch vụ viễn thông công ích không được như dự kiến ban đầu:

a) việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa phù hợp với thực tế. Việc quản lý, điều phối chưa đạt hiệu quả, chưa đạt mục tiêu đề ra.

b) Việc khảo sát hạ tầng thực hiện từ năm 2013, đến năm 2015 ban hành Chương trình và nửa cuối năm 2016 bắt đầu triển khai. Khi đó hạ tầng viễn thông đã được các doanh nghiệp viễn thông tự triển khai, về cơ bản các doanh nghiệp đã phủ dịch vụ cố định và di động đến các trung tâm xã -> việc hỗ trợ hạ tầng không thực hiện được.

c) Do cơ chế phối hợp giữa các Bộ ban ngành còn chậm, các Thông tư hướng dẫn ban hành chưa kịp thời, khó áp dụng trong thực tế....

d) Việc thực hiện, mẫu biểu, hồ sơ còn phức tạp, khó khăn cho doanh nghiệp - > doanh nghiệp cũng không nhiệt tình tham gia chương trình. Vì đăng ký phức tạp, tăng vốn điều lệ, hạ tầng được hỗ trợ ở vùng sâu vùng xa vùng ít hoặc không có lợi nhuận....

-> Đề xuất một vài giải pháp cho Chương trình mới:

1. Quan điểm xây dựng Chương trình

Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn tới được xây dựng trên cơ sở các quan điểm cơ bản sau:

a) Đối với hỗ trợ doanh nghiệp: Nhà nước không can thiệp, hỗ trợ đối với các khu vực thị trường đã có sự cạnh tranh cao mà tập trung vào hỗ trợ phát triển, duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các khu vực doanh nghiệp kinh doanh theo cơ chế thị trường không hiệu quả. Việc hỗ trợ doanh nghiệp dựa trên cơ sở thị trường thông qua đấu thầu; đảm bảo công khai, minh bạch.

Hiện vẫn còn một bộ phận nhân dân các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên rất khó khăn, mật độ dân số phân tán, tỷ lệ người sử dụng, sản lượng dịch vụ viễn thông thấp, doanh thu không đủ bù đắp chi phí; trong đó có nhiều khu vực chưa có hạ tầng, mạng lưới cung cấp dịch vụ. Theo khảo sát của Bộ TTTT, hiện còn 8.379 thôn chưa có dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định;

còn 1.910 thôn chưa có dịch vụ thông tin di động mặt đất. Nhà nước sẽ đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở những địa bàn này để hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng, duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ viễn thông, rút ngắn khoảng cách số giữa các vùng miền; qua đó góp phần thúc đẩy chuyển đổi số đến mọi khu vực của đất nước.

b) Đối với hỗ trợ sử dụng dịch vụ: Nhà nước chỉ hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông thiết yếu, trên cơ sở phân biệt vùng, miền để đảm bảo công bằng; hỗ trợ toàn dân sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc vì lợi ích chung của cộng đồng.

c) Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được lồng ghép, kết hợp với các chương trình, dự án khác của nhà nước để đảm bảo đồng bộ về chính sách, tránh trùng lặp.

Chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là một bộ phận của chính sách công trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, nhưng có quan hệ với nhiều chương trình, đề án khác; nhất là Chương trình chuyển đổi số quốc gia, các chính sách liên quan đến giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng khó khăn (như: Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững,...). Vì vậy việc thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải kết hợp, lồng ghép với nhiều chương trình, đề án khác để tránh trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nguyên tắc cơ bản xây dựng Chương trình

2.1. Tuân theo nguyên tắc thị trường và thông lệ quốc tế

Việc hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo chính sách hiện nay đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp và không làm bóp méo thị trường viễn thông. Thực tế hiện nay việc hỗ trợ này chỉ được thực hiện tại các vùng không có lợi nhuận và cho các đối tượng yếu thế trong xã hội. Nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước thì các doanh nghiệp sẽ không đầu tư cơ sở hạ tầng, không cung cấp dịch vụ và người dân sẽ không cơ hội tiếp cận và sử dụng những dịch vụ viễn thông cơ bản.

Bên cạnh đó, việc hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu (đối với nhiệm vụ phát triển hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cố định, dịch vụ thông tin di động mặt đất) và hình thức đặt hàng. Các doanh nghiệp sau khi trúng thầu phải tuân thủ quy định về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông đã được quy định tại Điều 45 Luật Viễn thông. Đặc biệt, chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông để phục vụ hoạt động viễn thông công ích được quy định tại Điều 45 khoản 3 điểm c.

Nguồn kinh phí thu đóng góp từ các doanh nghiệp viễn thông cũng áp dụng thống nhất, không phân biệt loại hình sở hữu.

Trên thế giới, nhiều nước phát triển cũng đã sử dụng nguồn tiền công để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông băng thông rộng (tốc độ trên 30 Mbps) cho tất cả người dân, không phân biệt thành thị hay nông thôn. Và cũng có nhiều chính phủ tại các nước phát triển như Mỹ, Thụy Điển, Úc, New Zealand, Pháp, Nhật Bản đã sử dụng ngân sách của mình để hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông băng thông rộng tốc độ cực nhanh (Ultrafast/Superfast Broadband) nhằm tăng lợi thế cạnh tranh, thu hút đầu tư và tạo công ăn việc làm cho xã hội qua đó để thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

2.2. Trung lập về công nghệ

Để phù hợp với điều kiện phát triển của khoa học công nghệ trên thế giới và phù hợp với điều kiện hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông, Chương trình sẽ không quy định bắt buộc loại hình công nghệ phải sử dụng để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Thay vào đó, doanh nghiệp có thể lựa chọn các loại hình công nghệ phù hợp với cơ sở hạ tầng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (nhưng vẫn phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng/tốc độ dịch vụ). Bên cạnh đó, Chương trình cũng sẽ hỗ trợ người dân, hộ gia đình cả dịch vụ điện thoại cố định và thông tin di động mặt đất theo nguyên tắc công nghệ hay dịch vụ nào có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu thực tế của thị trường và người dân thì sẽ được Chương trình hỗ trợ triển khai.

2.3. Hỗ trợ thúc đẩy sử dụng dịch vụ viễn thông công ích (thúc đẩy cầu)

Hiện nay, cơ sở hạ tầng cáp quang băng rộng cố định đã phủ kín 100% số xã và khoảng 90% số thôn trên toàn quốc. Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông này, Chương trình tập trung khuyến khích các doanh nghiệp phát triển thuê bao và Chương trình hỗ trợ người dân hộ, gia đình sử dụng các dịch vụ viễn thông. Bên cạnh việc hỗ trợ sử dụng các dịch vụ viễn thông phổ cập, Chương trình quy định các doanh nghiệp trúng thầu cung cấp dịch vụ viễn thông phải phát triển 30% thuê bao Internet băng rộng cố định mới tại các thôn mà tập trung dân cư lớn (thôn có mật độ trên 100 hộ gia đình/thôn) chưa có hạ tầng băng rộng cố định (2.772 thôn). Đồng thời Chương trình cũng hỗ trợ cước sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo tại 2.772 thôn này.

Bên cạnh đó, Chương trình còn khuyến khích các doanh nghiệp thiết lập hạ tầng, cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất tại các địa bàn thôn chưa có hạ tầng cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất trên phạm vi toàn quốc và các hộ nghèo, hộ cận nghèo được Chương trình hỗ trợ cước sử dụng dịch vụ này.

2.4. Hỗ trợ cơ sở giáo dục, cơ sở khám chữa bệnh

Các cơ sở giáo dục, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là các cơ sở có nhu cầu cao trong việc sử dụng các dịch vụ ứng dụng viễn thông trong đào tạo, khám chữa bệnh đồng thời cũng là các đối tượng được Nhà nước có chính sách ưu tiên để tiếp cận dịch vụ truy nhập Internet theo quy định tại Điều 4 Luật Viễn thông "...Thúc đẩy

việc sử dụng Internet trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế và nghiên cứu khoa học" và Điều 4 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng: "Thúc đẩy việc sử dụng Internet trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học, công nghệ để tăng năng suất lao động, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống" và "Phát triển hạ tầng Internet băng rộng đến trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, thư viện, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, các điểm truy nhập Internet công cộng và hộ gia đình". Tuy nhiên, đây cũng là những đối tượng đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ do hạn chế về kinh phí cho việc chi trả giá cước sử dụng dịch vụ.

2.5. Đổi mới phương thức thực hiện và quản lý Chương trình

Từ thực tiễn triển khai Chương trình 1168 với những khó khăn trong việc triển khai hỗ trợ thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng cho thấy cần phải đổi mới phương thức thực hiện và quản lý để cho các doanh nghiệp viễn thông thấy được sự hấp dẫn tham gia cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định và dịch vụ thông tin di động đến người dân trên địa bàn còn chưa có hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông băng rộng tại các thôn trên cả nước. Với việc đổi mới phương thức hỗ trợ thông qua việc mua dịch vụ viễn thông để đảm bảo tính sẵn có cho người dân khi có nhu cầu sử dụng dịch vụ thông qua đấu thầu thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Chương trình sẽ tạo tính ổn định trong triển khai hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Phương thức thực hiện và quản lý Chương trình được đổi mới theo hướng giảm bớt đầu mối triển khai thực hiện Chương trình từ 02 đơn vị thuộc Bộ Thông tin và truyền thông là Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Ban Quản lý chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích còn một đơn vị là Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, được thành lập theo quy định tại Điều 22 Luật Viễn thông.

Bên cạnh đó, trong Chương trình tối cần ứng dụng tối đa công nghệ số trong việc triển khai chương trình và hồ sơ báo cáo, thanh toán kinh phí Chương trình. Việc quản lý Chương trình được thống nhất quản lý tập trung trên nền công nghệ thông tin tạo môi trường làm việc trên mạng cho tất cả các bên tham gia. Đồng thời, sẽ tăng cường sự tham gia của các Bộ, Ngành, địa phương trong quản lý, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Chương trình.